TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1293/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Mạnh Hải;
Ông Nguyễn Xuân Hiển.
- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Nghị-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh .
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Phan Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1502/2024/ DSST ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1635/2025/QĐXX- DS ngày 13 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2704/2025/QĐST- DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Ông Nguyễn Cao N, sinh năm 1989.
Địa chỉ cư trú: Số 23/3 B01, KP5, phường HB (cũ là phường HBC, Thành phố TĐ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1986. CCCD số 07908616957
Địa chỉ thường trú cũ: Số 48/10 đường số 11, phường TTH (cũ là P.11, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ thường trú mới: Số 384/40/8 đường LTT, phường VL (cũ là P.10, Quận 10), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2022, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, ông Nguyễn Cao N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/10/2023, ông Nguyễn Quốc B (gọi tắt là bị đơn) có vay ông Nguyễn Cao N (gọi tắt là nguyên đơn) số tiền là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ là 12 tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền (tức hạn trả nợ là ngày 10/10/2024).

Đến ngày 18/10/2023, ông Nguyễn Quốc B tiếp tục vay thêm 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ là 1 tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền (tức hạn trả nợ là ngày 18/11/2023).

Đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Quốc B vẫn không thực hiện việc trả nợ và lãi cho tôi, tôi đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy, tôi làm đơn này kính mong Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/10/2023

Buộc ông Nguyễn Quốc B thanh toán cho tôi số tiền gốc là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), thanh toán 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với phần lãi:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc B thanh toán cho tôi số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền chậm trả 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), tính từ ngày 10/10/2023 đến ngày 28/11/2024, lãi suất 10%/năm tương ứng 0.83%/tháng.

Tính thành tiền lãi là: 13 tháng x 0.83% x 300.000.000 đồng = 32.370.000đồng

2. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 18/10/2023:

Buộc ông Nguyễn Quốc B thanh toán cho tôi số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng),

Đối với phần lãi:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc B thanh toán cho tôi số tiền lãi tính trên số tiền chậm trả 200.000.000 đồng, tính từ ngày 18/10/2023 đến ngày 28/11/2024. Lãi suất 0.83%/tháng tương ứng 10%/năm. Tính thành tiền lãi là: 13 tháng x 0.83% x 200.000.000 đồng = 21.580.000 đồng

Tổng số tiền ông buộc phải trả cho tôi là 553.950.000 đồng (*Năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 53.950.000 đồng. Thanh toán 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2025, ông N yêu cầu ông B trả tổng số tiền ông buộc phải trả cho tôi là 553.950.000 đồng (*năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm tính đến ngày 28/11/2024 Trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 53.950.000 đồng.

- Lãi suất tiếp theo tính từ ngày 29/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi tiếp tục tính cho đến khi ông B trả hết số tiền trên nợ gốc là 500.000.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1986 tại địa chỉ số 48/10 đường số 11, P.11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 48/10 đường số 11, phường TTH, Thành phố Hồ Chí Minh), được biết: "Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1986. có hộ khẩu thường trú t*ại địa chỉ số 48/10 đường số 11, P.11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Min*h nhưng từ ngày 22/02/2024 đã chuyển hộ khẩu về số 384/40/8 LTT, phường VL (cũ là P.10, quận 10), Thành phố Hồ Chí Minh."

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1986. tại địa chỉ số 384/40/8 LTT, phường VL (cũ là P.10, quận 10), Thành phố Hồ

Chí Minh được biết: "Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1986. có hộ khẩu thường trú tại số 384/40/8 LTT, phường VL (cũ là P.10, quận 10), Thành phố Hồ Chí Minh hiện không có mặt tại địa chỉ trên "

Tòa án ra quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ số 571/2025/QĐ-CCTLCC yêu cầu nguyên đơn chung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay của ông B tuy nhiên ngày 22/4/2025, nguyên đơn cho biết khi ký hợp đồng vay bị đơn có hộ khẩu tại địa chỉ số 48/10 đường số 11, P.11, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 48/10 đường số 11, phường TTH, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng ngày 22/02/2024 bị đơn đã chuyển hộ khẩu về số 384/40/8 LTT, phường VL (cũ là P.10, quận 10), Thành phố Hồ Chí Minh không thông báo cho nguyên đơn biết nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ số 48/10 đường số 11, phường TTH (cũ là P.11, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ số 384/40/8 LTT, phường VL (cũ là P.10, Quận 10), Thành phố Hồ Chí Minh để đưa vụ án ra xét xử .

Tòa án đã tiến hành đối chất và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến vì vậy Tòa án không tiến hành đối chất và hòa giải được mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho ông B hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông N vẫn giữ yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc B trả cho ông N tổng số tiền 595.450.000 đồng (*Năm trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm tính đến ngày 29/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm). Trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 95.450.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 30/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi ông B trả hết số tiền trên nợ gốc là 500.000.000 đồng với lãi suất là 10%/ năm cho đến khi trả dứt nợ vay.

Ông Nguyễn Quốc B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết* :

Nguyên đơn ông Nguyễn Cao N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quốc B về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ giấy vay tiền ngày 10/10/2023 và ngày 18/10/2023. Bị đơn ông Nguyễn Quốc B khi ký kết hợp đồng vay có nơi trú tại tại địa chỉ số 48/10 đường số 11, phường TTH (cũ là phường 11, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 (cũ là Tòa án nhân dân quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

-*Về thủ tục tố tụng* : Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên Tòa do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

-Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi là đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về nợ gốc:

-Căn cứ vào giấy vay tiền (bản chính) do ông N và ông B ký và lăn tay ngày 10.10.2023, ông B vay ông N số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất là 20%/ năm, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 10.10.2023 và ngày 18/10/2023 vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng tính từ ngày 18/10/2023, lãi suất là 20%/ năm. Tổng cộng ông B có vay số tiền 500.000.000 đồng của ông N, chứng tỏ ông N và ông B đã xác lập giao dịch vay tài sản là đúng bằng việc các bên trực tiếp ký 02 giấy vay tiền ngày 10.10.2023 và ngày 18.10.2023. Bên vay và bên cho vay viết giấy tay và bên cho vay và bên vay đã giao nhận tiền theo đúng cam kết trong giấy vay tiền ngày 10.10.2023 và ngày 18.10.2023 chứng tỏ các bên tham gia giao dịch là có thật và đây là hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày các bên ký giấy vay tiền là ngày 10.10.2023 và ngày 18.10.2023 Ngày 28/11/2024, ông N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và tòa án thụ lý ngày 18/12/2024 do đó việc ông N khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản là còn trong thời hiệu khởi kiện về giao dịch dân sự là 3 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015

Tuy nhiên từ khi nhận tiền vay đến nay ông B không thanh toán tiền gốc cho ông N và đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như 02 giấy vay tiền đã lập và tính đến nay ông B chưa thanh toán một đồng nào tiền gốc cho ông N vì vậy căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn do đó Hội đồng xét xử buộc ông B phải trả cho ông N số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+*Về nợ lãi*:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông B trả tiền lãi :

-Đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/10/2023, ông N yêu cầu ông B trả số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền gốc 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), tạm tính từ ngày 10/10/2023 đến ngày 28/11/2024. Lãi suất 10%/năm tương ứng 0.83%/tháng, tiền lãi là: 13 tháng x 0.83% x 300.000.000 đồng = 32.370.000 đồng

-Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 18/10/2023, ông N yêu cầu ông B trả số tiền lãi chậm trả tính trên số tiền gốc 200.000.000 đồng, tính từ ngày 18/10/2023 đến ngày 28/11/2024. Lãi suất 0.83%/tháng tương ứng 10%/năm. Tính thành tiền lãi là: 13 tháng x 0.83% x 200.000.000 đồng = 21.580.000 đồng

Tổng số tiền lãi ông ông B phải trả cho ông N tạm tính đến ngày 28/11/2024 là 53.950.000 đồng (*Năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*)

Tiền lãi tiếp theo tính từ ngày 29/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) là 10 tháng x 500.000.000 đồng x 0.83% / tháng = 41.500.000 đồng

Tổng cộng ông N yêu cầu ông B trả tiền lãi tạm tính đến ngày 29/11/2025(ngày xét xử sơ thẩm) là : 53.950.000 đồng + 41.500.000 đồng(tiền lãi) = 95.450.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc tính lãi của nguyên đơn theo giấy vay tiền là 20%/ năm tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi 10%/ năm là có lợi rất nhiều cho bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2025 là 95.450.000 (*Chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ông B phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc 500.000.000 đồng kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất là 10%/ năm .

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Như vậy Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Quốc B phải trả cho ông Nguyễn Cao N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 595.450.000 (*Năm trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn*

đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 95.450.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Cao N số tiền 13.079.000 (*Mười ba triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng*) là tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0056973 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 595.450.000 (*Năm trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Do đó bị đơn phải chịu án phí là 27.818.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm mười tám ngàn đồng*) .

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 , Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

-Buộc ông Nguyễn Quốc B có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Cao N tạm tính đến ngày 29/9/2025 số tiền là 595.450.000 (Năm *trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền nợ lãi là là 95.450.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

.

-Ông Nguyễn Quốc B còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 500.000.000 đồng kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông B thanh toán xong số tiền trên theo lãi suất là 10%/ năm .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.818.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu tám trăm mười tám ngàn đồng*) .

-Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho ông Nguyễn Cao N số tiền 13.079.000

(*Mười ba triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0056973 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND KV7, TPHCM;
- PhòngTHADSKV7, THADS TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn